

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội

GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 22/2012/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 5 năm 2011, được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 3050/QĐ-ĐHQGHN ngày 17 tháng 9 năm 2012, Quyết định số 4280/QĐ-ĐHQGHN ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm theo Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1011/ĐT ngày 12 tháng 3 năm 2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội

về việc ban hành Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội và Quyết định số 3509/QĐ-ĐT ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban chức năng, Thủ trưởng đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Giám đốc (để báo cáo);
- Phòng TT&QTTH (để đăng lên website);
- Lưu: VT, Ban ĐT, VTh50.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Kim Sơn

QUY ĐỊNH

Về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1868 /QĐ-ĐHQGHN
ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

Chương I

MẪU VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ

Điều 1. Quy định chung

1. Các loại văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội thuộc hệ thống văn bằng, chứng chỉ của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Văn bằng của Đại học Quốc gia Hà Nội là văn bằng pháp lý xác nhận trình độ tốt nghiệp cử nhân, kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ, thạc sĩ hoặc tiến sĩ cho những người đã hoàn thành một chương trình đào tạo, theo một loại hình đào tạo tại một đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội .

3. Chứng chỉ của đơn vị đào tạo cấp cho người học để xác nhận kết quả học tập sau khi được đào tạo hoặc bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp theo một chương trình đào tạo đã được Thủ trưởng đơn vị tổ chức thẩm định, phê duyệt và công bố trước khi khóa học bắt đầu; Đơn vị đào tạo báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội trước khi triển khai thực hiện.

Điều 2. Quản lý văn bằng, chứng chỉ

1. Văn bằng của Đại học Quốc gia Hà Nội được phát hành theo mẫu xác định và được quản lý thống nhất trong Đại học Quốc gia Hà Nội. Mỗi văn bằng có số và ký hiệu riêng do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

2. Chứng chỉ của đơn vị đào tạo được phát hành theo một mẫu xác định, được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt và quản lý thống nhất trong đơn vị đào tạo. Mỗi chứng chỉ có số và ký hiệu riêng do đơn vị đào tạo quy định.

Điều 3. Văn bằng của Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Bằng tiến sĩ

Binh

2. Bằng thạc sĩ
3. Bằng cử nhân
4. Bằng kỹ sư
5. Bằng bác sĩ
6. Bằng dược sĩ

Điều 4. Nội dung, kích thước, chất liệu, màu sắc phôi bằng

Tất cả các phôi bằng đều có phần bìa và phần nội dung.

1. Phần bìa

+ Trên bìa có hình quốc huy, tên văn bằng, các chữ "Đại học Quốc gia Hà Nội" được in bằng nhũ vàng.

+ Kích thước:

- Bằng tiến sĩ: 43 cm × 30,5 cm
- Các loại bằng khác: 32 cm × 21,5 cm

+ Chất liệu: bìa cứng, giả da.

+ Màu sắc:

- Bằng tiến sĩ: *đỏ boóc-đô*
- Bằng thạc sĩ: *xanh tím*
- Bằng cử nhân: *nâu ghi*
- Bằng kỹ sư: *nâu ghi*
- Bằng bác sĩ: *nâu ghi*
- Bằng dược sĩ: *nâu ghi*

- Bằng cử nhân, kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ cấp cho chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao và tốt nghiệp hạng xuất sắc đối với các chương trình đào tạo khác: *đỏ cờ*

2. Phần nội dung

a) Nội dung: Phần bên phải trình bày nội dung bằng tiếng Việt, phần bên trái trình bày nội dung bằng tiếng Anh.

b) Màu sắc ở phần nội dung

+ Trang thứ nhất của phần nội dung: Quốc huy và các chữ cùng một màu đỏ.

+ Trang thứ hai của phần nội dung:

anh

- Khung, trống đồng, biểu tượng Hà Nội: cùng một mẫu với độ đậm nhạt khác nhau đảm bảo hài hoà, trang nhã trên mẫu giấy in của từng loại văn bằng.

- Tên văn bằng: màu đỏ cờ.

- Biểu tượng Đại học Quốc gia Hà Nội: màu xanh lá cây có phát quang dưới ánh sáng tia cực tím.

- Số hiệu bằng: màu đỏ cờ có phát quang dưới ánh sáng tia cực tím.

- Ngôi sao năm cánh chìm ở giữa biểu tượng Hà Nội: không màu, có phát quang dưới ánh sáng tia cực tím.

c) Kích thước:

+ Trang nội dung:

- Bảng tiến sĩ: 42 cm × 29,5 cm

- Các loại bằng khác: 29,7 cm × 20,5 cm

+ Khung bằng:

- Bảng tiến sĩ: 38,2 cm × 25,7 cm

- Các loại bằng khác: 27,2 cm × 18,2 cm

+ Mép ngoài khung bằng:

- Bảng tiến sĩ: 1,9 cm × 1,9 cm

- Các loại bằng khác: 1,25 cm × 1,15 cm

d) Chất liệu: giấy in và màu sắc của giấy in riêng cho từng loại bằng

+ Bảng tiến sĩ: giấy sần, hoa vân, màu hồng.

+ Bảng thạc sĩ: giấy sần trơn, màu hồng nhạt.

+ Bảng cử nhân: giấy sần trơn, màu vàng nhạt.

+ Bảng kỹ sư: giấy sần trơn, màu vàng nhạt.

+ Bảng bác sĩ: giấy sần trơn, màu vàng nhạt.

+ Bảng dược sĩ: giấy sần trơn, màu vàng nhạt.

Điều 5. Cách ghi nội dung phôi bằng

1. Bảng tiến sĩ

- Mục “Hiệu trưởng, Viện trưởng cấp” ghi tên đơn vị đào tạo (theo phụ lục 1).

như

- Mục "Ngành": ghi ngành học hoặc chuyên ngành theo danh mục các ngành, chuyên ngành đào tạo được cấp bằng tiến sĩ (theo phụ lục 2).

- Mục "Tại": ghi tên đơn vị đào tạo (theo phụ lục 1).

- Mục "Cho": ghi họ, tên đệm, tên, giới tính của người được cấp bằng (giới tính đặt trước họ tên và ghi ông/bà).

- Mục "Sinh ngày:...Tại...": ghi ngày, tháng, năm sinh và nơi sinh (đơn vị hành chính cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại thời điểm cấp bằng) của người được cấp bằng; đối với người được cấp bằng không mang quốc tịch Việt Nam thì ghi tên quốc gia của họ.

- Mục "Hà Nội, ngày...tháng...năm...": ghi ngày, tháng, năm Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Hiệu trưởng hoặc Viện trưởng ký cấp bằng.

2. Bằng thạc sĩ

- Mục "Hiệu trưởng ... cấp" ghi tên đơn vị đào tạo (theo phụ lục 1).

- Mục "Ngành": ghi ngành học hoặc chuyên ngành theo danh mục các ngành, chuyên ngành đào tạo được cấp bằng thạc sĩ (theo phụ lục 3).

- Mục "Tại": ghi tên đơn vị đào tạo (theo phụ lục 1).

- Mục "Cho": ghi họ, tên đệm, tên, giới tính của người được cấp bằng (giới tính đặt trước họ tên và ghi ông/bà).

- Mục "Sinh ngày: ... Tại...": ghi ngày, tháng, năm sinh và nơi sinh (đơn vị hành chính cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại thời điểm cấp bằng) của người được cấp bằng; đối với người được cấp bằng không mang quốc tịch Việt Nam thì ghi tên quốc gia của họ.

- Mục "Hà Nội, ngày...tháng...năm...": ghi ngày, tháng, năm Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Hiệu trưởng ký cấp bằng.

3. Bằng cử nhân, kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ

- Mục "Hiệu trưởng ... cấp" ghi tên đơn vị đào tạo (theo phụ lục 1).

- Mục "Ngành": ghi ngành học theo danh mục các ngành đào tạo được cấp bằng cử nhân, kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ (theo phụ lục 4,5,6,7).

- Mục "Hình thức đào tạo": ghi tương ứng:

+ Chính quy (tiếng Anh: Full-time).

Phanh

- + Vừa làm vừa học (tiếng Anh: In-service).
- Mục "Hạng": Ghi tương ứng với các hạng sau:
 - + Xuất sắc (tiếng Anh: High Distinction).
 - + Giỏi (tiếng Anh: Distinction).
 - + Khá (tiếng Anh: Credit).
 - + Trung bình (tiếng Anh: Pass).
- Mục "Tại": ghi tên đơn vị tổ chức đào tạo (theo phụ lục 1).
- Mục "Cho": ghi họ, tên đệm, tên, giới tính của người được cấp bằng (giới tính đặt trước họ tên và ghi ông/bà).
- Mục "Sinh ngày:...Tại...": ghi ngày, tháng, năm sinh và nơi sinh (đơn vị hành chính cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại thời điểm cấp bằng) của người được cấp bằng; đối với người được cấp bằng không mang quốc tịch Việt Nam thì ghi tên quốc gia của họ.
- Mục "Hà Nội, ngày...tháng...năm...": ghi ngày, tháng, năm Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Hiệu trưởng ký cấp bằng.
- Đối với bằng tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân, kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ký cần ghi bổ sung mục "Chủ nhiệm khoa" ở bên trái mục "Giám đốc" để Chủ nhiệm khoa ký (không đóng dấu của Khoa) trước khi trình Giám đốc ký văn bằng.

Điều 6. Chứng chỉ của các đơn vị đào tạo

Nội dung, kích thước, chất liệu, màu sắc cũng như cách ghi nội dung phối chứng chỉ do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định bằng văn bản.

Chương II

QUẢN LÝ, CẤP PHÁT VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ

Điều 7. Công bố các thông tin về văn bằng, chứng chỉ

1. Các đơn vị đào tạo phải cung cấp thông tin về văn bằng của Đại học Quốc gia Hà Nội và chứng chỉ của đơn vị đào tạo trên trang thông tin điện tử của đơn vị nhằm công khai, minh bạch hoạt động đào tạo và cấp văn bằng,

thanh

chứng chỉ, hạn chế tình trạng gian lận và tiêu cực trong việc quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

2. Thông tin về cấp văn bằng, chứng chỉ phải đảm bảo thuận lợi trong việc quản lý, truy cập, tìm kiếm. Thông tin phải được cập nhật thường xuyên và lưu trữ trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 8. Thẩm quyền cấp văn bằng, chứng chỉ

1. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ký và cấp bằng tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân, kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ theo đề nghị của Chủ nhiệm khoa trực thuộc cho những người đã hoàn thành chương trình đào tạo của bậc học tương ứng tại các khoa trực thuộc.

2. Hiệu trưởng trường đại học thành viên ký và cấp bằng tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân, kỹ sư cho những người đã hoàn thành chương trình đào tạo của bậc học tương ứng tại đơn vị mình.

3. Viện trưởng viện nghiên cứu khoa học thành viên ký và cấp bằng tiến sĩ cho những người đã hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ tại đơn vị mình.

4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ký và cấp chứng chỉ cho những người đã hoàn thành chương trình đào tạo tương ứng tại đơn vị mình.

5. Văn bằng, chứng chỉ được cấp kèm theo bảng điểm học tập của toàn khoá học. Bảng điểm học tập toàn khoá học do Thủ trưởng đơn vị đào tạo ký và đóng dấu.

- Đối với đào tạo đại học, trong bảng điểm học tập toàn khoá học phải ghi đầy đủ tên ngành đào tạo, hình thức đào tạo, loại chương trình đào tạo, tên các học phần, số tín chỉ, điểm đánh giá của từng học phần và điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá học, hạng tốt nghiệp.

- Đối với đào tạo thạc sĩ, trong bảng điểm học tập toàn khoá phải ghi đầy đủ tên ngành, chuyên ngành đào tạo, loại chương trình đào tạo, tên các học phần, số tín chỉ, điểm đánh giá của từng học phần, điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá học, tên đề tài luận văn, danh sách thành viên hội đồng chấm luận văn.

- Đối với đào tạo tiến sĩ, trong bảng điểm học tập toàn khoá phải ghi đầy đủ tên ngành, chuyên ngành đào tạo, tên các học phần, chuyên đề, số tín chỉ,

điểm đánh giá của từng học phần, chuyên đề, tên đề tài luận án, danh sách thành viên hội đồng chấm luận án cấp Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Văn bằng, chứng chỉ chỉ cấp một lần. Nếu người được cấp bị mất văn bằng, chứng chỉ vì lý do khách quan chính đáng thì thủ trưởng của cấp có thẩm quyền cấp bằng, chứng chỉ xem xét để cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ theo đúng nội dung của bản chính đã cấp.

Điều 9. Thủ tục cấp phôi bằng của Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Tháng 3 hàng năm, đơn vị đào tạo đăng ký với Đại học Quốc gia Hà Nội số lượng dự kiến các loại phôi bằng sử dụng vào năm sau (theo mẫu tại phụ lục 8).

2. Đại học Quốc gia Hà Nội duyệt cấp phôi bằng cho các đơn vị đào tạo vào tháng 3, tháng 6, tháng 7, tháng 9 và tháng 12 hàng năm.

3. Hồ sơ đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội cấp phôi bằng gồm có:

a) Công văn do Thủ trưởng đơn vị đào tạo ký đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội cấp phôi bằng. Nội dung công văn cần ghi rõ số lượng phôi bằng tương ứng với bậc đào tạo, hình thức đào tạo;

b) Bảng tổng hợp về chỉ tiêu tuyển sinh cho khoá đào tạo, danh sách thí sinh trúng tuyển đại học (theo mẫu tại phụ lục 9) kèm theo Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc công nhận trúng tuyển;

c) Danh sách thí sinh trúng tuyển nhập học năm thứ nhất (theo mẫu tại phụ lục 10); Quyết định công nhận học viên cao học, nghiên cứu sinh của cấp có thẩm quyền về việc công nhận học viên, nghiên cứu sinh;

d) Danh sách những người được công nhận tốt nghiệp (theo mẫu tại phụ lục 11a, 11b, 11c) kèm theo Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc công nhận tốt nghiệp, công nhận học vị và cấp bằng;

e) Biên bản họp hội đồng xét tốt nghiệp đại học, cao học.

4. Ban Đào tạo thẩm định và phê duyệt cấp phôi bằng tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân, kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ cho các đơn vị đào tạo.

5. Phải có sổ giao nhận phôi bằng giữa Ban Đào tạo với đơn vị đào tạo.

MBnh

Điều 10. Thủ tục cấp văn bằng của Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Văn bằng của Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ được trao cho người được cấp bằng khi đã có đầy đủ, chính xác thông tin theo nội dung được nêu trong văn bằng với đủ chữ ký của người có thẩm quyền cấp bằng và dấu quy định.

2. Văn bằng của Đại học Quốc gia Hà Nội và bằng điểm học tập toàn khoá học được trao cho người được cấp bằng sau khi chính thức công bố quyết định công nhận tốt nghiệp, công nhận học vị và cấp bằng.

Điều 11. Thủ tục cấp chứng chỉ của các đơn vị đào tạo

Thủ trưởng đơn vị đào tạo ký ban hành văn bản quy định cụ thể công tác in, quản lý, thủ tục và quy trình cấp phát phôi chứng chỉ và tổ chức phát chứng chỉ của đơn vị mình.

Điều 12. Thu hồi văn bằng, chứng chỉ và hủy công nhận tốt nghiệp

1. Văn bằng, chứng chỉ bị thu hồi và bị hủy công nhận tốt nghiệp khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Bị phát hiện có chứng cứ gian lận trong thi tuyển sinh, trong quá trình học tập, nghiên cứu dẫn đến sai lệch kết quả công nhận tốt nghiệp (không trúng tuyển thành trúng tuyển, không đủ điều kiện tốt nghiệp,...).

b) Bị phát hiện có chứng cứ vi phạm Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Thủ trưởng của cấp có thẩm quyền cấp văn bằng, chứng chỉ xem xét ra quyết định huỷ bỏ việc công nhận tốt nghiệp và thu hồi văn bằng, chứng chỉ mà mình đã cấp. Trong trường hợp cần thiết, việc thu hồi văn bằng, chứng chỉ được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 13. Xử lý phôi bằng hỏng, phôi bằng, chứng chỉ bị thất lạc, văn bằng bị thu hồi

Hàng năm, phôi bằng hỏng, văn bằng bị thu hồi phải được huỷ bỏ.

1. Thủ trưởng đơn vị đào tạo gửi trả Đại học Quốc gia Hà Nội toàn bộ phôi bằng hỏng, văn bằng bị thu hồi kèm theo danh sách phôi bằng hỏng, văn bằng bị thu hồi có ghi số hiệu tương ứng vào lúc nhận phôi bằng mới.

Đinh

2. Với văn bằng đã cấp nhưng có sai sót trong in ấn và văn bằng đã cấp nhưng bị thu hồi, Thủ trưởng đơn vị đào tạo gửi trả lại Đại học Quốc gia Hà Nội văn bằng đã cấp kèm theo quyết định thu hồi và hủy bỏ hiệu lực văn bằng đã cấp để trình Đại học Quốc gia Hà Nội cấp phôi bằng mới.

3. Ban Đào tạo Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức việc hủy phôi bằng hỏng, văn bằng bị thu hồi theo đúng quy định.

4. Khi tiến hành hủy phôi bằng hỏng, văn bằng bị thu hồi phải có ít nhất 3 cán bộ tham gia, trong đó có Trưởng Ban Đào tạo. Cần lập biên bản ghi rõ số lượng, số hiệu từng phôi bằng hỏng, từng văn bằng bị thu hồi, họ tên, chữ ký, chức vụ, đơn vị công tác của những cán bộ tham gia hủy. Biên bản được lưu vĩnh viễn trong hồ sơ cấp phôi bằng.

5. Đối với những phôi bằng bị thất lạc, Đại học Quốc gia Hà Nội phải có quyết định hủy bỏ hiệu lực của các phôi bằng có seri bị mất và thông báo số seri của các phôi bằng bị mất đó trên các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Hàng năm, thủ trưởng đơn vị đào tạo thành lập Hội đồng hủy phôi chứng chỉ, chứng chỉ. Hội đồng gồm ít nhất 3 người tham gia và phải lập biên bản hủy phôi chứng chỉ, chứng chỉ. Biên bản ghi rõ số lượng, số hiệu từng phôi chứng chỉ hỏng, từng chứng chỉ bị thu hồi, họ tên, chữ ký, chức vụ, đơn vị công tác của những người tham gia hủy. Biên bản được lưu vĩnh viễn trong hồ sơ cấp phát chứng chỉ.

Điều 14. Lập sổ theo dõi cấp phát phôi bằng, văn bằng, chứng chỉ

1. Ban Đào tạo Đại học Quốc gia Hà Nội phải lập sổ theo dõi, quản lý thống nhất việc cấp các loại phôi bằng cho các đơn vị đào tạo và lưu trữ vĩnh viễn sổ này tại Ban Đào tạo.

2. Đơn vị đào tạo phải lập sổ theo dõi, quản lý thống nhất việc cấp phát văn bằng của đơn vị mình và lưu trữ vĩnh viễn sổ này tại đơn vị.

3. Ban Đào tạo Đại học Quốc gia Hà Nội phải lập sổ theo dõi, quản lý thống nhất việc cấp phát văn bằng do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ký và lưu trữ vĩnh viễn sổ này tại Ban Đào tạo.

nh

4. Đơn vị đào tạo lập sổ theo dõi, quản lý thống nhất việc cấp phát chứng chỉ của đơn vị mình và lưu trữ vĩnh viễn sổ này tại đơn vị.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Trách nhiệm quản lý, cấp phôi bằng: Ban Đào tạo chịu trách nhiệm trước Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc quản lý, thẩm định và duyệt cấp phôi bằng.

2. Trách nhiệm cấp phát văn bằng, chứng chỉ

a) Thủ trưởng đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm trước Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ của đơn vị mình.

b) Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội chịu trách nhiệm trước Thủ tướng chính phủ về việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ của ĐHQGHN.

3. Đại học Quốc gia Hà Nội tiến hành kiểm tra định kỳ các đơn vị đào tạo về việc cấp, phát văn bằng của ĐHQGHN và chứng chỉ của đơn vị đào tạo.

4. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông/bà Chánh Văn phòng, Trưởng ban chức năng, Thủ trưởng đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội chịu trách nhiệm về việc cấp phát và quản lý phôi bằng, văn bằng, chứng chỉ theo đúng Quy định này.

5. Mọi hành vi vi phạm Quy định này tùy theo mức độ đều bị xử lý kỷ luật từ phê bình, cảnh cáo đến buộc thôi việc và truy tố trước pháp luật.

6. Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. *nhk*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kim Sơn

PHỤ LỤC 1

CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO CỦA ĐHQGHN

(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 4868 /QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

STT	TIẾNG VIỆT	TIẾNG ANH
01	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	VNU University of Science
02	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	VNU University of Social Sciences and Humanities
03	Trường Đại học Ngoại ngữ	VNU University of Languages and International Studies
04	Trường Đại học Công nghệ	VNU University of Engineering and Technology
05	Trường Đại học Kinh tế	VNU University of Economics and Business
06	Trường Đại học Giáo dục	VNU University of Education
07	Trường Đại học Việt Nhật	VNU Vietnam - Japan University
08	Khoa Luật	VNU School of Law
08	Khoa Quản trị Kinh doanh	VNU School of Business
09	Khoa Sau đại học	VNU School of Graduate Studies
10	Khoa Quốc tế	VNU International School
11	Khoa Y Dược	VNU School of Medicine and Pharmacy
12	Viện Công nghệ Thông tin	VNU Institute of Information Technology
13	Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển	VNU Institute of Vietnamese Studies and Development Sciences
14	Viện Vi sinh vật và Công nghệ Sinh học	VNU Institute of Microbiology and Biotechnology
15	Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục	VNU Institute for Education Quality Assurance
16	Viện Quốc tế pháp ngữ	VNU International Institute of Francophone
17	Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường	VNU Centre for Natural Resources and Environmental Studies
18	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	VNU Centre for Military Education and Security
19	Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao	VNU Centre for Physical Education and Sports
20	Trung tâm Dự báo và Phát triển nguồn nhân lực	VNU Centre for Human Resource Development
21	Trung tâm Nghiên cứu đô thị	VNU Centre for Urban Studies

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH ĐƯỢC CẤP BẰNG TIỀN SĨ

(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 1868 /QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC	TÊN TIẾNG ANH	GHI CHÚ
01	Báo chí	Journalism	
02	Chính trị học	Politics Science	
03	Cơ học	Mechanics	
04	Cơ kỹ thuật	Engineering Mechanics	
05	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	Electronics and Communications Engineering	
06	Công nghệ thông tin	Information Technology	
07	Địa chất học	Geology	
08	Địa lý tự nhiên	Physical Geography	
09	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Educational Assessment and Measurement	
10	Đông phương học	Oriental Studies	
11	Hải dương học	Oceanography	
12	Hệ thống thông tin	Information Systems	
13	Hóa học	Chemistry	
14	Khí tượng học	Meteorology	
15	Khoa học máy tính	Computer Science	
16	Khoa học môi trường	Environmental Science	
17	Khoa học vật liệu	Materials Science	
18	Kinh tế	Economics	
19	Kinh tế quốc tế	International Economics	
20	Lịch sử	History	
21	Luật học	Law	
22	Lưu trữ học	Archivology	
23	Ngôn ngữ học	Linguistics	
24	Nhân học	Anthropology	
25	Quản lý đất đai	Land Administration	
26	Quản lý giáo dục	Education Management	

Anh

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC	TÊN TIẾNG ANH	GHI CHÚ
27	Quản lí khoa học và công nghệ	Science and Technology Management	<i>Chuyên ngành</i>
28	Quản lí tài nguyên và môi trường	Management of Resources and Environment	
29	Quản trị kinh doanh	Business Administration	
30	Quốc tế học	International Studies	
31	Sinh học	Biology	
32	Tài chính – Ngân hàng	Banking – Finance	
33	Tâm lí học	Psychology	
34	Thủy văn	Hydrology	
35	Tiếng Anh	English	
36	Tiếng Nga	Russian	
37	Tiếng Pháp	French	
38	Tiếng Trung Quốc	Chinese	
39	Toán học	Mathematics	
40	Tôn giáo học	Religious Studies	
41	Triết học	Philosophy	
42	Văn học	Literature	
43	Vật lí học	Physics	
44	Vật liệu và linh kiện nanô	Nanomaterials and Nanodevices	<i>Chuyên ngành</i>
45	Việt Nam học	Vietnamese Studies	
46	Xã hội học	Sociology	

sinh

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH ĐƯỢC CẤP BẰNG THẠC SĨ

(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 1868 /QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC	TÊN TIẾNG ANH	GHI CHÚ
01	Báo chí	Journalism	
02	Biến đổi khí hậu	Climate Change	Chuyên ngành
03	Chính trị học	Politics Science	
04	Cơ học	Mechanics	
05	Cơ kỹ thuật	Engineering Mechanics	
06	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	Electronics and Communications Engineering	
07	Công nghệ hóa học	Chemical Engineering	
08	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Mechatronics Engineering	
09	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Environmental Engineering	
10	Công nghệ nano sinh học	Nanobiotechnology	Chuyên ngành
11	Công nghệ thông tin	Information Technology	
12	Du lịch	Tourism	
13	Địa chất học	Geology	
14	Địa lý tự nhiên	Physical Geography	
15	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Educational Assessment and Measurement	
16	Đông phương học	Oriental Studies	
17	Hải dương học	Oceanography	
18	Hán Nôm	Sino – Nom	
19	Hệ thống thông tin	Information Systems	
20	Hóa học	Chemistry	
21	Khí tượng học	Meteorology	
22	Khoa học bền vững	Sustainability Science	Chuyên ngành
23	Khoa học đất	Soil Science	
24	Khoa học môi trường	Environmental Sciences	
25	Khoa học quản lý	Management Science	
26	Khoa học vật liệu	Materials Science	

anh

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC	TÊN TIẾNG ANH	GHI CHÚ
27	Kinh tế	Economics	
28	Kinh tế quốc tế	International Economics	
29	Lí luận, lịch sử và phê bình điện ảnh - truyền hình	Theory, History, and Criticism of Film and Television	<i>Chuyên ngành</i>
30	Lịch sử	History	
31	Luật học	Law	
32	Lưu trữ học	Archivology	
33	Ngôn ngữ học	Linguistics	
34	Nhân học	Anthropology	
35	Quản lí đất đai	Land Administration	
36	Quản lí giáo dục	Education Management	
37	Quản lí khoa học và công nghệ	Science and Technology Management	<i>Chuyên ngành</i>
38	Quản lí kinh tế	Economic Management	
39	Quản lí tài nguyên và môi trường	Management of Resources and Environment	
40	Quản trị an ninh phi truyền thống	Non-Traditional Security	<i>Chuyên ngành</i>
41	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp	Technology and Entrepreneurship	<i>Chuyên ngành</i>
42	Quản trị kinh doanh	Business Administration	
43	Quốc tế học	International Studies	
44	Sinh học	Biology	
45	Sư phạm Hóa học	Chemistry Teacher Education	
46	Sư phạm Lịch sử	History Teacher Education	
47	Sư phạm Ngữ văn	Linguistics and Literature Teacher Education	
48	Sư phạm Sinh học	Biology Teacher Education	
49	Sư phạm Toán	Mathematics Teacher Education	
50	Sư phạm Vật lí	Physics Teacher Education	
51	Tài chính – Ngân hàng	Banking – Finance	
52	Tâm lí học	Psychology	
53	Thông tin - Thư viện	Library and Information Science	

nhân

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC	TÊN TIẾNG ANH	GHI CHÚ
54	Thủy văn	Hydrology	
55	Tiếng Anh	English	
56	Tiếng Đức	German	
57	Tiếng Nga	Russian	
58	Tiếng Nhật Bản	Japanese	
59	Tiếng Pháp	French	
60	Tiếng Trung Quốc	Chinese	
61	Toán học	Mathematics	
62	Tôn giáo học	Religious Studies	
63	Triết học	Philosophy	
64	Văn học	Literature	
65	Vật lí học	Physics	
66	Vật liệu và linh kiện nanô	Nanomaterials and Nanodevices	<i>Chuyên ngành</i>
67	Việt Nam học	Vietnamese Studies	
68	Xã hội học	Sociology	

Như

PHỤ LỤC 4

DANH MỤC NGÀNH HỌC ĐƯỢC CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 1868/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

STT	NGÀNH KHOA HỌC	TÊN TIẾNG ANH
1.	Báo chí	Journalism
2.	Chính trị học	Political Science
3.	Công nghệ hạt nhân	Nuclear Technology
4.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Chemical Engineering and Technology
5.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Environmental Engineering
6.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Mechatronics Engineering
7.	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	Electronics and Communications Engineering
8.	Công nghệ sinh học	Biotechnology
9.	Công nghệ thông tin	Information Technology
10.	Công tác xã hội	Social Work
11.	Địa chất học	Geology
12.	Địa lý tự nhiên	Physical Geography
13.	Đông phương học	Oriental Studies
14.	Hải dương học	Oceanography
15.	Hán nôm	Sino – Nom
16.	Hệ thống thông tin	Information Systems
17.	Hóa dược	Pharmaceutical Chemistry
18.	Hóa học	Chemistry
19.	Kế toán	Accounting
20.	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Accounting, Analyzing and Auditing
21.	Khí tượng học	Meteorology
22.	Khoa học đất	Soil Sciences
23.	Khoa học máy tính	Computer Science
24.	Khoa học môi trường	Environmental Science
25.	Khoa học quản lý	Management Science
26.	Khoa học thư viện	Library Science
27.	Khoa học vật liệu	Materials Science
28.	Kinh doanh quốc tế	International Business

sinh

STT	NGÀNH KHOA HỌC	TÊN TIẾNG ANH
29.	Kinh tế học	Economics
30.	Kinh tế phát triển	Development Economics
31.	Kinh tế quốc tế	International Economics
32.	Kỹ thuật địa chất	Geological Engineering
33.	Lịch sử	History
34.	Luật học	Law
35.	Luật kinh doanh	Business Law
36.	Lưu trữ học	Archivology
37.	Máy tính và khoa học thông tin	Computer and Information Science
38.	Ngôn ngữ Pháp	French
39.	Ngôn ngữ Ả Rập	Arabic
40.	Ngôn ngữ Anh	English
41.	Ngôn ngữ Đức	German
42.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Korean
43.	Ngôn ngữ học	Linguistics
44.	Ngôn ngữ Nga	Russian
45.	Ngôn ngữ Nhật Bản	Japanese
46.	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chinese
47.	Nhân học	Anthropology
48.	Quan hệ công chúng	Public Relations
49.	Quản lý đất đai	Land Management
50.	Quản lý tài nguyên và môi trường	Management of Resources and Environment
51.	Quản lý giáo dục	Education Management
52.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Tourism and Travel Management
53.	Quản trị khách sạn	Hotel Management
54.	Quản trị kinh doanh	Business Administration
55.	Quản trị văn phòng	Office Management
56.	Quốc tế học	International Studies
57.	Sinh học	Biology
58.	Sư phạm Hóa học	Chemistry Teacher Education
59.	Sư phạm Lịch sử	History Teacher Education
60.	Sư phạm Ngữ văn	Linguistics and Literature Teacher Education
61.	Sư phạm Sinh học	Biology Teacher Education

Abhi

STT	NGÀNH KHOA HỌC	TÊN TIẾNG ANH
62.	Sư phạm Tiếng Anh	English Language Teacher Education
63.	Sư phạm Tiếng Đức	German Language Teacher Education
64.	Sư phạm Tiếng Hàn Quốc	Korean Language Teacher Education
65.	Sư phạm Tiếng Nga	Russian Language Teacher Education
66.	Sư phạm Tiếng Nhật	Japanese Language Teacher Education
67.	Sư phạm Tiếng Pháp	French Language Teacher Education
68.	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	Chinese Language Teacher Education
69.	Sư phạm Toán học	Mathematics Teacher Education
70.	Sư phạm Vật lí	Physics Teacher Education
71.	Tài chính - Ngân hàng	Banking - Finance
72.	Tâm lí học	Psychology
73.	Thông tin học	Information Study
74.	Thủy văn	Hydrology
75.	Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài	Vietnamese Language and Culture for Foreigners
76.	Toán cơ	Mathematics Mechanics
77.	Toán học	Mathematics
78.	Toán tin ứng dụng	Applied Mathematics and Informatics
79.	Triết học	Philosophy
80.	Văn học	Literature
81.	Vật lí học	Physics
82.	Vật lí kĩ thuật	Engineering Physics
83.	Việt Nam học	Vietnamese Studies
84.	Xã hội học	Sociology

mbh

PHỤ LỤC 5

DANH MỤC NGÀNH HỌC ĐƯỢC CẤP BẰNG KỸ SƯ

*(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 1868 /QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

STT	NGÀNH KHOA HỌC	TÊN TIẾNG ANH
01	Cơ học kỹ thuật	Mechanical Engineering
02	Truyền thông và mạng máy tính	Communications and Computer Networks

nguồn

PHỤ LỤC 6

DANH MỤC NGÀNH HỌC ĐƯỢC CẤP BẰNG BÁC SĨ

*(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 1868 /QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

STT	NGÀNH KHOA HỌC	TÊN TIẾNG ANH
01	Y đa khoa	General Medicine

sbh

PHỤ LỤC 7

DANH MỤC NGÀNH HỌC ĐƯỢC CẤP BẰNG DƯỢC SĨ

*(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 1868 /QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

STT	NGÀNH KHOA HỌC	TÊN TIẾNG ANH
01	Dược học	Pharmacy

mbk

PHỤ LỤC 8

*(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 1868 /QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
Đơn vị đào tạo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ SỐ LƯỢNG PHÔI BẰNG DỰ KIẾN SỬ DỤNG NĂM ...

Khoá đào tạo:

Hình thức đào tạo:

STT	Loại văn bằng	Số lượng (chiếc)	Ghi chú
1	Cử nhân (Giám đốc kí)		
2	Cử nhân (Hiệu trưởng kí)		
3	Kỹ sư (Hiệu trưởng kí)		
4	Bác sĩ (Giám đốc kí)		
5	Dược sĩ (Giám đốc kí)		
6	Thạc sĩ (Giám đốc kí)		
7	Thạc sĩ (Hiệu trưởng kí)		
8	Tiến sĩ (Giám đốc kí)		
9	Tiến sĩ (Hiệu trưởng kí)		
10	Tiến sĩ (Viện trưởng kí)		

Hà Nội, ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(ký tên và đóng dấu)

Minh

PHỤ LỤC 9

*(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 1868 /QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
Đơn vị đào tạo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC

(theo Quyết định số .../... ngày ... tháng ... năm ...)

Khóa:

Ngành:

Hình thức đào tạo:

S T T	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Khu vực	Đối tượng (*)	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm tổng tuyển sinh	Hình thức tuyển (**)
1										
2										

Danh sách gồm sinh viên

(*) Đối với hình thức đào tạo VLVH, ghi nhóm ưu tiên 1 hoặc 2 hoặc bỏ trống nếu không thuộc một trong hai nhóm trên.

(**) Hình thức tuyển: tuyển thẳng ghi (TT), cử tuyển ghi (CT), bảo lưu ghi (BL).

Hà Nội, ngày tháng năm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
(ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Danh sách thí sinh sắp xếp theo văn A, B, C của tên thí sinh.

nbh

PHỤ LỤC 10

(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 1868/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
Đơn vị đào tạo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT

Khoá :

Hình thức đào tạo:

Ngành :

Mã ngành :

S TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng (*)	Ghi chú
1							
2							

Danh sách gồm sinh viên

Hà Nội, ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Danh sách sinh viên sắp xếp theo vần A, B, C của tên sinh viên.
- (*) Đối với hình thức VLVH, ghi nhóm ưu tiên 1 hoặc 2 hoặc bỏ trống nếu không thuộc một trong hai nhóm trên.

PHỤ LỤC 11a

*(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 1868 /QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
Đơn vị đào tạo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CỬ NHÂN/ KỸ SƯ/BÁC SĨ/DƯỢC SĨ
(theo Quyết định số . . . ngày . . . tháng . . . năm . . .)

Khoá:

Hình thức đào tạo:

Ngành:

Mã ngành:

S TT	Mã số sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TB chung tích lũy toàn khóa	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1								
2								

Danh sách gồm sinh viên

Hà Nội, ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Danh sách sinh viên sắp xếp theo vần A, B, C của tên sinh viên.

Phúc

PHỤ LỤC 11b

(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 1868 /QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
Đơn vị đào tạo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ

(theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm ...)

Khoá:

Ngành:

Loại chương trình đào tạo:

S T T	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	QĐ công nhận học viên số . . . ngày . . .	Kết quả học tập		Ghi chú
						Điểm TB chung	Điểm luận văn	
Chuyên ngành:					Mã số:			
1								
2								
Chuyên ngành:					Mã số:			
1								
2								

Danh sách gồm học viên

Hà Nội, ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Danh sách học viên sắp xếp theo vần A, B, C của tên học viên.

PHỤ LỤC 11c

*(Kèm theo Quy định về văn bằng, chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội
ban hành tại Quyết định số 1868 /QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
Đơn vị đào tạo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

(theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm ...)

Khoá:

Ngành:

S T T	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	QĐ công nhận nghiên cứu sinh số ... ngày.....	QĐ thành lập hội đồng cấp ĐHQGHN	Ngày bảo vệ luận án cấp ĐHQGHN
Chuyên ngành:				Mã số:			
1							
2							
Chuyên ngành:				Mã số:			
1							
2							

Danh sách gồm..... nghiên cứu sinh

Hà Nội, ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Danh sách nghiên cứu sinh sắp xếp theo vần A, B, C của tên nghiên cứu sinh.

Đinh